

Bản án số: 252/2019/DS-ST

Ngày: 16/9/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy

2. Bà Lê Thị Kim Em

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Xuân Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:*
Bà Trần Thị Minh Tú – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2019/TLST-DS ngày 23/5/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐXXST-DS ngày 22/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2019/QĐST-DS ngày 19/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ trụ sở: 89 đường H, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đoàn Anh T, sinh năm 1994 (Văn bản ủy quyền ngày 06/5/2019) (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Châu Tá T;

Địa chỉ: Số 116/81A Huỳnh Tấn Phát, Tổ 13, Khu phố 2, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai; biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng A có ông Đoàn Anh T là đại diện trình bày:

Ngày 18/12/2013 ông Châu Tá T có ký đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20131218-500001-0002 với Ngân hàng A vay số tiền 19.425.000 (Mười chín triệu bốn trăm hai mươi lăm) đồng với lãi suất thỏa thuận 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Nội dung khoản vay trên bao gồm:

- Khoản vay tiêu dùng: 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm nghìn) đồng
- Phí bảo hiểm: 925.000 (Chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Châu Tá T có trách nhiệm thanh toán số tiền 29.794.000 (Hai mươi chín triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn) đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng. Số tiền phải trả hàng tháng là 1.242.000 (Một triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn) đồng, ngày thanh toán hàng tháng là ngày 19 mỗi tháng; tháng cuối cùng phải trả là 1.228.000 (Một triệu hai trăm hai mươi tám nghìn) đồng. Bắt đầu từ ngày 19/01/2014.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Châu Tá T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 2.484.000 (Hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn) đồng. Kể từ ngày 19/02/2014 ông Châu Tá T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù nguyên đơn đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Nguyên đơn không yêu cầu khởi kiện đối với khoản phí bảo hiểm là số tiền: 925.000 (Chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng mà chỉ yêu cầu khởi kiện đối với phần khoản vay tiêu dùng là 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm ngàn) đồng. Cụ thể ông Châu Tá T có trách nhiệm thanh toán số tiền vay 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm ngàn) đồng, với lãi suất 3,75%/tháng, trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, mỗi tháng phải trả 1.182.500 (Một triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Do ông Châu Tá T chậm trễ thanh toán nên Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Châu Tá T phải thanh toán cho Ngân hàng A tổng cộng số tiền là: 25.895.993 (Hai mươi lăm triệu tám trăm chín lăm nghìn chín trăm chín mươi ba) đồng, trong đó tiền nợ gốc là: 17.504.172 (Mười bảy triệu năm trăm lẻ bốn nghìn một trăm bảy mươi hai) đồng, tiền nợ lãi là: 8.391.821 (Tám triệu ba trăm chín mươi một nghìn tám trăm hai mươi một) đồng. Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra nguyên đơn Ngân hàng A không yêu cầu ông Châu Tá T phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền lãi nào khác phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Châu Tá T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện bị đơn ông Châu Tá T phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016.

Bị đơn ông Châu Tá T cư trú tại địa chỉ: Số 116/81A đường P, Tổ 13, Khu phố 2, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại

Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Châu Tá T các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn ông Châu Tá T

Xét, Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20131218-500001-0002 ngày 18/12/2013 có đủ căn cứ xác định Ngân hàng A và ông Châu Tá T có ký hợp đồng vay tài sản, theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20131218-500001-0002 với lãi suất là 3.75%/tháng, thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay tiêu dùng, số tiền vay bao gồm:

- Khoản vay tiêu dùng: 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm nghìn) đồng
- Phí bảo hiểm: 925.000 (Chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng

Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20131218-500001-0002 ngày 18/12/2013 có chữ ký của ông Châu Tá T có đủ căn cứ xác định ngày 18/12/2013 ông Châu Tá T đã được nguyên đơn Ngân hàng A giải ngân tổng cộng số tiền 19.425.000 (Mười chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Châu Tá T có trách nhiệm thanh toán tổng cộng số tiền 29.794.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) cho Ngân hàng A, trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng. Số tiền phải trả hàng tháng là 1.242.000 đồng, ngày thanh toán hàng tháng là ngày 19 mỗi tháng; tháng cuối cùng phải trả là 1,228,000 đồng. Bắt đầu từ ngày 19/01/2014.

Tuy nhiên Nguyên đơn không yêu cầu khởi kiện đối với khoản phí bảo hiểm là 925.000 (Chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, mà chỉ yêu cầu khởi kiện đối với phần khoản vay tiêu dùng là 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm ngàn) đồng. Cụ thể nguyên đơn yêu cầu ông Châu Tá T có trách nhiệm thanh toán số tiền vay 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm nghìn) đồng, với lãi suất 3,75%/tháng, trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, mỗi tháng phải trả 1.182.500 (Một triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Châu Tá T đã thanh toán cho Ngân hàng A tổng cộng số tiền là 2.484.000 (Hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2019, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng số tiền là: 25.895.993 (Hai mươi lăm triệu tám trăm chín lăm nghìn chín trăm chín mươi ba) đồng, trong đó tiền nợ gốc là: 17.504.172 (Mười bảy triệu năm trăm lẻ bốn nghìn một trăm bảy mươi hai) đồng, tiền nợ lãi là: 8.391.821 (Tám triệu ba trăm chín mươi một nghìn tám trăm hai mươi một) đồng.

Xét, theo quy định của pháp luật:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “*bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Châu Tá T. Tuy nhiên ông Châu Tá T không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông Châu Tá T đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A buộc bị đơn ông Châu Tá T phải thanh toán tổng cộng số tiền tính đến ngày 16/9/2019 là: 25.895.993 (Hai mươi lăm triệu tám trăm chín lăm nghìn chín trăm chín mươi ba) đồng, trong đó tiền nợ gốc là: 17.504.172 (Mười bảy triệu năm trăm lẻ bốn nghìn một trăm bảy mươi hai) đồng, tiền nợ lãi là: 8.391.821 (Tám triệu ba trăm chín mươi một nghìn tám trăm hai mươi một) đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu bị đơn ông Châu Tá T phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn ông Châu Tá T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng A tự nguyện không yêu cầu bị đơn ông Châu Tá T phải thanh toán tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi

thi hành án xong, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[3.4.] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng A và bị đơn ông Châu Tá T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A

Buộc ông Châu Tá T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền tổng cộng: 25.895.993 (Hai mươi lăm triệu tám trăm chín lăm nghìn chín trăm chín mươi ba) đồng, trong đó tiền nợ gốc là: 17.504.172 (Mười bảy triệu năm trăm lẻ bốn nghìn một trăm bảy mươi hai) đồng, tiền nợ lãi là: 8.391.821 (Tám triệu ba trăm chín mươi một nghìn tám trăm hai mươi một) đồng. Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng A không yêu cầu ông Châu Tá T phải thanh toán số tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Châu Tá T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.294.800 (Một triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm) đồng.

Hoàn trả lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Ngân hàng A là 647.400 (Sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm) đồng, theo biên lai thu số AA/2018/0031126 ngày 23/05/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng A được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Châu Tá T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đường sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Xuân Duyên).

Đào Lê Anh